



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

Số 25.01503
25.1398/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

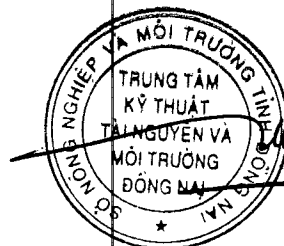
29/9/2025
Trang 1/4

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
Xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT KCN Sông Mây
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : N2
- Ngày lấy mẫu : 10/9/2025
- Ngày nhận mẫu : 10/9/2025
- Thời gian thử nghiệm : 10/9/2025 - 29/9/2025
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2-4/4

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

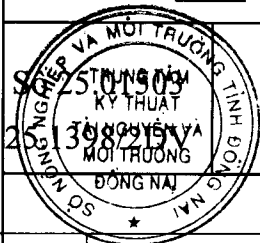


Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/9/2025
Trang 2/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2025/ BINMT Cột A
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	SMEWW 2550 B:2023	29,4	≤40
2	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	7,05	6 - 9
3	Độ màu ⁽¹⁾⁽²⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	11	≤50
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	3	≤30
5	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	11	≤60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	6	≤30
7	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,090	≤5
8	Tổng nitơ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	12,5	≤20
9	Tổng photpho ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	0,43	≤4,0
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	0,30	≤3,0
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	47,9	≤500
12	Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	≤1,0
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	0,0034	≤0,2
14	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	≤0,2
15	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	≤1,0
16	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	KPH	≤1,0
17	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	≤5,0
18	Chất hoạt động bề mặt anion ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,06	≤3,0
19	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	≤0,05
20	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤0,001
21	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	≤0,1
22	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	≤0,02
23	Tổng crôm (Cr) ⁽²⁾⁽³⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	≤0,5
24	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	≤0,1
25	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	≤1,0
26	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	≤1,0
27	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,012	≤0,1
28	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	≤2,0
29	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,30	≤2,0

[Signature]

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

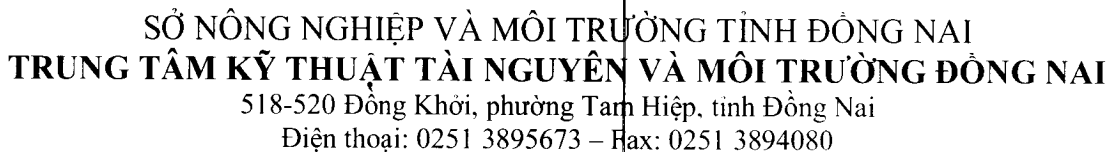
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

30/9/2025

Trang 3/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2025/ BINMT Cột A
30	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		≤300
	Diazinon ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Parathion ethyl (Parathion) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Parathion methyl ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Phorate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Sulfotep ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Thionazin ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	O,O,O-Triethyl phosphorothioate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
31	Hóa chất BVTV clo hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		≤50
	α-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	β-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	γ-HCH (Lindan) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	δ-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	Aldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Cis-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Trans-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDD ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDE ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDT ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Dieldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan I ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan II ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan sulfat ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin aldehyt ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin ketone ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Heptaclo epoxit ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Heptaclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Metoxyclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



Trang 4/4

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng